DỰ THẢO

# QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
# CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA - MILIKET

Ngày … tháng … năm 2024

# MỤC LỤC

**Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG ..... 3**
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng ..... 3
Điều 2. Tài liệu tham khảo ..... 3
Điều 3. Các chữ viết tắt ..... 3
Điều 4. Giải thích từ ngữ ..... 4
Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin ..... 5
Điều 6. Phương tiện công bố thông tin ..... 5
**Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN ..... 6**
Điều 7. Lưu đồ thực hiện ..... 6
Điều 8. Các nội dung công bố thông tin ..... 7
**Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM ..... 8**
Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng ban liên quan ..... 8
Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin ..... 8
Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm ..... 8
Điều 12. Triển khai thực hiện ..... 8
**PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT CÁC PHÒNG BAN LIÊN QUAN ..... 10**
PHỤ LỤC 1.1 : PHÒNG TỔ CHỨC – HÀNH CHÁNH ..... 10
PHỤ LỤC 1.2 : PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN ..... 15
**PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC ..... 17**
**PHỤ LỤC 3: CÁC MẪU BIỂU ..... 20**

## Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc, các Phòng ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Người công bố thông tin.

b) Các phòng ban liên quan gồm: Phòng Tổ chức – Hành chánh, Phòng Tài chính – Kế toán.

c) Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

### Điều 2. Tài liệu tham khảo

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBCK ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 14/7/2021;
- Căn cứ Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021;
- Căn cứ Quy chế đăng ký và quản lý giao dịch chứng khoán chưa niêm yết theo Quyết định số 34/QĐ-HĐTV ngày 16/11/2022;
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

### Điều 3. Các chữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- IDS : Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN
- SGDCKHN : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)
- CIMS : Hệ thống quản lý thông tin công ty của SGDCK HN
- VSDC : Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
- TTCKVN : Thị trường Chứng khoán Việt Nam
- CBTT : Công bố thông tin
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- TGĐ : Tổng Giám đốc
- KTT : Kế toán trưởng
- BCTC : Báo cáo tài chính
- CĐL : Cổ đông lớn
- CPQ : Cổ phiếu quỹ

- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- GCNĐKDN : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- CTĐC : Công ty đại chúng
- NNB : Người nội bộ
- NCLQ : Người có liên quan

**Điều 4. Giải thích từ ngữ**

1. *Người nội bộ của Công ty* là:

– Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

– Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên);

– Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.

2. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 6 Quy chế này.
3. *Ngày báo cáo về việc công bố thông tin* là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGDCK HN hoặc ngày UBCKNN, SGDCK HN nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.
4. Đối với tài liệu dưới dạng văn bản: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:

– Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.

– Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).

5. *Bản scan văn bản dùng CBTT* phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.
6. *Dữ liệu điện tử dùng CBTT* là dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode).
7. *Người công bố thông tin* là người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được uỷ quyền công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được uỷ quyền công bố thông tin công bố.
8. *Người có liên quan* [1] là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
   a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;
   b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
   c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

***[1] Theo quy định tại Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019***

d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

f) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14.

9. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

**Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin**

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.

2. Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Khi công bố thông tin, Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK HN về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.

4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

5. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều 5 Quy chế này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK HN 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK HN thực hiện công khai thông tin.

**Điều 6. Phương tiện công bố thông tin**

| STT | Đối tượng tiếp nhận CBTT | Phương tiện CBTT |
|---|---|---|
| 1 | Công ty | Chuyên mục về Quan hệ cổ đông (nhà đầu tư) trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.(*) |
| 2 | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước | Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - IDS. |
| 3 | Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội | Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội - Hệ thống CIMS. |
| 4 | Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp | Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. |
| 5 | | Báo in, Báo điện tử,v.v… |

***(*) Lưu ý:***

*– Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Công ty vẫn thực hiện công bố thông tin trên Chuyên mục về Quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ .*

*– Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn **03 ngày làm việc**, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.*

*– Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.*

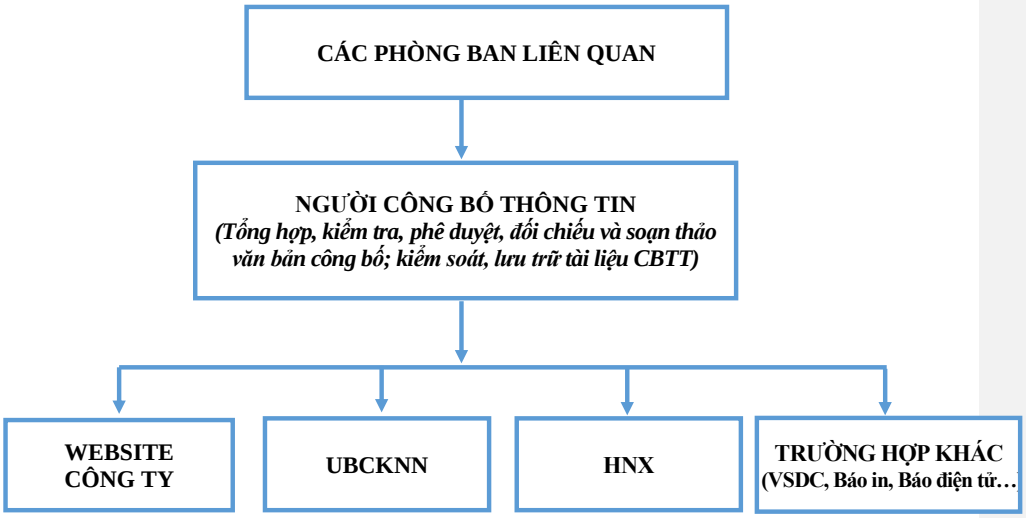
*– Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;*

*– Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu 05 năm.*

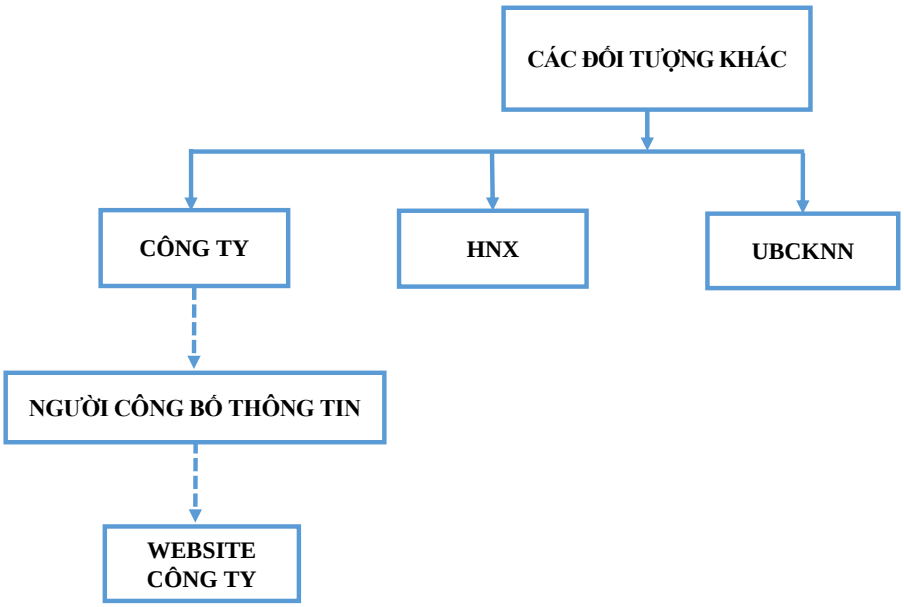
## Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

### Điều 7. Lưu đồ thực hiện

**1. Áp dụng các phòng ban liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này**



**2. Áp dụng đối với các đối tượng khác (**)**




***Ghi chú:*** → : Gửi trực tiếp Công ty, UBCKNN và HNX

⇢ : Người Công bố thông tin tiếp nhận thông tin từ đối tượng khác thực hiện rà soát và công bố lên Website công ty.

(**) *Đối tượng khác là đối tượng Quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 1 Quy chế này gồm Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.*

**Điều 8. Các nội dung công bố thông tin**

**1. Các phòng ban liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này thực hiện CBTT theo quy định theo từng Phụ lục cụ thể trong Quy chế này:**

a) Phòng Tổ chức – hành chánh : Phụ lục 1.1

b) Phòng Tài chính – kế toán : Phụ lục 1.2

**2. Các đối tượng khác thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục 2 Quy chế này.**

## Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

### Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng ban liên quan

1. Người công bố thông tin chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với UBCKNN, SGDCK, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
2. Người công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các phòng ban chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này. Trưởng các phòng ban chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người công bố thông tin
3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các phòng ban liên quan (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người công bố thông tin trong vòng 02 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện công bố thông tin.
4. Người công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện.

### Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

1. Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.
2. Việc xử lý vi phạm về công bố thông tin được thực hiện theo Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.
3. Tổng giám đốc có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về Quy chế công bố thông tin này.
4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của Tổng giám đốc, Tổng giám đốc sẽ báo cáo Hội đồng quản trị xử lý vi phạm theo quy định.

### Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm

1. Đối với vi phạm phát sinh từ người công bố thông tin: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
2. Đối với vi phạm phát sinh từ cá nhân trực thuộc phòng ban Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

### Điều 12. Triển khai thực hiện

1. Căn cứ vào nội dung Quy chế, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.

3. Việc sửa đổi bổ sung Quy chế này do Chủ tịch HĐQT quyết định sau khi được Hội đồng Quản trị thông qua.

***Nơi nhận:***
- HĐQT;
- BKS;
- P.TC-HC; P.TC-KT; Thư ký;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**

**PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT CÁC PHÒNG BAN LIÊN QUAN**

**PHỤ LỤC 1.1 : PHÒNG TỔ CHỨC – HÀNH CHÁNH**

| STT | NỘI DUNG | THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN | THỜI HẠN CBTT | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|
| **1.** | **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ** | | | |
| **A.** | **Các báo cáo định kỳ** | | | |
| 1 | Báo cáo thường niên | sau 10 ngày kể từ ngày công bố thông tin Báo cáo tài chính năm | Chậm nhất 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính | |
| 2 | Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên | 25/7 hàng năm | Chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch | |
| 3 | Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty bán niên | | | |
| 4 | Báo cáo tình hình quản trị công ty năm | 25/1 hàng năm | Chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch | |
| 5 | Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty năm | | | |
| **B.** | **Về Đại hội đồng Cổ đông** | | | |
| 1 | Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội | Trong thời hạn CBTT theo quy định | Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng | |
| 2 | Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông | Trong thời hạn CBTT theo quy định | Chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ | |
| 3 | Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và bộ tài liệu thông qua tại Đại hội<br>*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.* | Trong thời hạn CBTT theo quy định | Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ | |
| **C.** | **Về Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản** | | | |
| 1 | Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản | Trong thời hạn CBTT theo quy định | Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng | |
| 2 | Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết | Trong thời hạn CBTT theo quy định | Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến | |
| 3 | Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ<br>*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông* | Trong thời hạn CBTT theo quy định | Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý | |

**Commented [TCNM1]:** Có thể bỏ cột ghi nếu ko có nội dung này

| STT | NỘI DUNG | THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN | THỜI HẠN CBTT | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|
| | *tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.* | | kiến cổ đông | |
| **2.** | **CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG** | | | |
| 1 | Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 2 | Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 3 | Công bố thông tin về thay đổi nội dung, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động theo Phụ lục III - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN gửi kèm Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 4 | Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 5 | Quyết định mua lại cổ phiếu hoặc bán cổ phiếu quỹ. | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 6 | Quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 7 | Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 8 | Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu. | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 9 | Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp. phá sản doanh nghiệp; | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 10 | Quyết định thay đổi mã số thuế, tên công ty, con dấu của công ty. | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 11 | Quyết định thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 12 | Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ. | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |

**Commented [TCNM1]:** Có thể bỏ cột ghi nếu ko có nội dung này

| STT | NỘI DUNG | THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN | THỜI HẠN CBTT | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|
| 13 | Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty. | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 14 | Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết. | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 15 | Trường hợp Công ty thay đổi mô hình công ty (tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết), ngoài việc thực hiện công bố thông tin theo quy định, tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện đăng ký theo Phụ lục IV - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN. | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 16 | Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng; | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 17 | Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm CBTT thực hiện như sau: | | | |
| 18 | - Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán; | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 19 | - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ; | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 20 | - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |

**Commented [TCNM1]:** Có thể bỏ cột ghi nếu ko có nội dung này

| STT | NỘI DUNG | THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN | THỜI HẠN CBTT | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|
| | công ty CBTT trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT. | | | |
| 21 | Quyết định về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ. | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 22 | - Công ty nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 23 | - Công ty gửi (Bản cứng) cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục III - TT96 | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 24 | - Công ty công bố thông tin Thay đổi nhân sự theo Phụ lục I - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN và gửi kèm SGDCK Bản cung cấp thông tin (trường hợp bổ nhiệm người nội bộ mới) theo Phụ lục III -TT96 | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 25 | - Trường hợp có sự thay đổi người có liên quan của người nội bộ, Công ty báo cáo cho SGDCK về thay đổi người có liên quan của người nội bộ theo Phụ lục II - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 26 | Nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty. | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 27 | Nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của công ty; | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 28 | Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp. | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 29 | Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó; | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 30 | Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty. | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 31 | Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài. | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 32 | Đối với các sự kiện cần có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| **3. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU** | | | | |
| 1 | Theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán khi: | | | |

Commented [TCNM1]: Có thể bỏ cột ghi nếu ko có nội dung này

| STT | NỘI DUNG | THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN | THỜI HẠN CBTT | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|
| 2 | 1) Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu | |
| 3 | 2) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó. | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu | |
| **4. CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY ĐĂNG KÝ CUỐI CÙNG THỰC HIỆN QUYỀN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU** | | | | |
| 1 | Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSDC, báo cáo cho SGDCK đồng thời CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan. | Ngay sau khi nhận được thông tin | Chậm nhất 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ) | |
| | | | Chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện các quyền khác) | |
| 2 | Trường hợp hủy nội dung thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện và ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của SGDCK, CBTT và gửi thông báo cho SGDCK nêu rõ lý do hủy. | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng | |
| **5. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC** | | | | |
| 1 | Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn. | Ngay sau khi nhận được thông tin | Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán | |
| 2 | Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài | Ngay sau khi ĐHĐCĐ / HĐQT phê duyệt | Theo quy định pháp luật CK hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên TTCKVN | |

**Commented [TCNM1]:** Có thể bỏ cột ghi nếu ko có nội dung này

**PHỤ LỤC 1.2 : PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN**

| STT | NỘI DUNG | THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN | THỜI HẠN CBTT | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|
| **1.** | **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ** | | | |
| 1 | Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán | ngay sau khi nhận được Báo cáo tài chính năm được tổ chức kiểm toán ký | Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính | |
| **2.** | **CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG** | | | |
| 1 | Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa. | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 2 | Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật). | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 3 | Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng). | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 4 | Việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 5 | Kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có). | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 6 | Ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với BCTC. | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 7 | Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 24 giờ | |
| 8 | Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. | Ngay sau khi nhận được thông tin | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính | |

| STT | NỘI DUNG | THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN | THỜI HẠN CBTT | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|
| | | | mới. | |
| **3. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC** | | | | |
| 1 | Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ | Ngay sau khi nhận được thông tin | Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ | |
| 2 | Tổng tài sản (ghi trong sổ kế toán) giảm hơn 10% do mua lại cổ phiếu của chính mình | Ngay sau khi nhận được thông tin | CBTT và báo cho các chủ nợ trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn tất thanh toán | |

**PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC**

**1. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty**

- Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn; nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCK theo mẫu quy định tại **Phụ lục VII –TT96** kèm theo Quy chế này trong **thời hạn 05 ngày làm việc**, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.
- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải CBTT và báo cáo cho Công ty, UBCKNN, SGDCK theo **Phụ lục VIII –TT96** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này **trong thời hạn 05 ngày làm việc,** kể từ ngày có sự thay đổi trên.

  *Ghi chú: Không áp dụng CBTT đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ năm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc phát hành thêm cổ phiếu.*

  *Ví dụ: nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức ĐKGD X. **Ngày T**, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X **từ 5,2% lên 5,7%.** Tiếp sau đó, vào **ngày T'**, ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X **từ 5,7% lên 6,1%.** Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch chứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo công ty X, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.*
- Công ty công bố trên website của công ty trong vòng **03 ngày làm việc** sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng này.

**2. Công bố thông tin về giao dịch của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCK khi **giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có**

**bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi)**, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

- Trước khi thực hiện giao dịch: Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, NNB của Công ty và NCLQ của NNB phải CBTT và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu ) theo **Phụ lục XIII –TT96** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này.
- Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK *(Trừ trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai).*

*Ghi chú: NNB của* Công ty *và NCLQ của NNB không được đồng thời đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.*

- Sau khi thực hiện giao dịch: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, NNB của Công ty và NCLQ của NNB phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty về kết quả giao dịch theo **Phụ lục XIV –TT96** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).

**3. Ghi chú**

- NNB của Công ty và NCLQ của NNB chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.
- Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là NNB của Công ty và NCLQ của NNB, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định.
- Trường hợp công ty chứng khoán là NCLQ của NNB của tổ chức đăng ký giao dịch, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu đăng ký giao dịch, công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và Công ty trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.
- Trường hợp công ty mẹ hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (công đoàn, đoàn thanh niên…), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại

Điều lệ công ty thực hiện giao dịch cổ phiếu phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ.

- Công ty công bố trên website của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu của NNB của Công ty và NCLQ của NNB .

**PHỤ LỤC 3: CÁC MẪU BIỂU**

| STT | Nội dung | Biểu mẫu |
|---|---|---|
| 1. | Báo cáo thường niên<br>*(Phụ lục IV - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)* | Phu luc IV - TT96 - BCTN |
| 2. | Báo cáo quản trị 06 tháng đầu năm/năm<br>*(Phụ lục V - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)* | Phu luc V - TT96 - BCQT |
| 3. | Bản cung cấp thông tin quản trị công ty 6 tháng/năm<br>*(Phụ lục IV – Quyết định số 34/QĐ-HĐTV ngày 16/11/2022)* | PHỤ LỤC IV - BCCTT QTCTdocx |
| 4. | Thay đổi người nội bộ<br>*(Phụ lục I - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)* | Phu luc I - Thay doi NNB |
| 5. | Bản cung cấp thông tin người nội bộ<br>*(Phụ lục III - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)* | Phu luc III - TT96 - BCCTT |
| 6. | Thay đổi người có liên quan của người nội bộ<br>*(Phụ lục II - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)* | Phu luc II - Thay doi NCLQ cua NNB |
| 7. | Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp<br>*(Phụ lục III - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)* | Phu luc III - Thay doi Giay CNDKDN |
| 8. | Đăng ký mô hình công ty và loại báo cáo tài chính<br>*(Phụ lục IV - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)* | Phu luc IV - TB dang ky, thay doi m |
| 9. | Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành<br>*(Phụ lục V - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)* | Phu luc V - TB thay doi SLCP dang luu h |

| STT | Nội dung | Biểu mẫu |
|---|---|---|
| 10. | Công bố thông tin bất thường<br>*(Phụ lục VI - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)* | Phu luc VI - CBTT bat thuong.docx |
| 11. | Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn<br>*(Phụ lục VII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)* | Phu luc VII - CDL |
| 12. | Báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty khi có thay đổi số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết<br>*(Phụ lục VIII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)* | Phu luc VIII - CDL giao dich vuot nguc |
| 13. | Thông báo Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của của người nội bộ<br>*(Phụ lục XIII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)* | Phu luc XIII - Thong bao GD NNB |
| 14. | Báo cáo Kết quả giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ<br>*(Phụ lục XV - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)* | Phụ lục XV - Bao cao GD NNB |
| 15. | Thông báo ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu<br>*(Mẫu 07/THQ - Quyết định 09/QĐ-HĐTV ban hành ngày 10/08/2023)* | Mau 07-THQ.doc |
| 16. | Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán<br>*(Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)* | Bao cao tien do su dung von |